TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 25-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 602/2023/TLST-DS ngày 12/12/2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng X; địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 28 Hùng Vương, tổ 13, khu phố 1, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Xuân Thọ – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng X – Chi nhánh BC. Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 14/2023/GUQ-CNBC ngày 29/12/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 2003; địa chỉ thường trú: Ấp Hiệp Thành, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Tổ 7, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng X và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/08/2022, ông T và Ngân hàng X (gọi tắt là Ngân hàng X) có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi tắt là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 82.666.082 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.924.366 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ. Ngày 10/08/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/11/2023, ông T còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 51.434.456 đồng; lãi quá hạn 6.307.260 đồng. Tổng cộng 57.741.716 đồng.

Ngày 25/09/2022, ông T tiếp tục vay tiêu dùng trên X pay với hạn mức 10.000.000 đồng. Ông T đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 12.240.892 đồng. Trong quá trình sử dụng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.960.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 25/07/2023 Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do ông T không thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký kết nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc ông Trần Quốc T trả ngay cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2024 là 67.558.208 đồng; trong đó: Nợ gốc 51.434.456 đồng, lãi quá hạn 16.123.752 đồng và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh sau ngày 25/3/2024 theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Buộc ông Trần Quốc T trả ngay cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2024 là 5.802.808 đồng; trong đó: Nợ gốc 4.880.000 đồng, lãi quá hạn 922.808 đồng và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh sau ngày 25/3/2024 theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 (vay trên X pay) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại theo Luật hoà giải tại Tòa án (bản chính); Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (bản phô tô); Phiếu yêu cầu (bản phô tô); Sao kê

(bản phô tô); Thẻ bảo hiểm y tế và Giấy chứng minh của Trần Quốc T (bản phô tô); Giấy uỷ quyền (bản chính); Quyết định 3270 ngày 26/12/2022 (bản phô tô); Quyết định 5150 ngày 07/9/2022 (bản phô tô); Giấy đăng ký doanh nghiệp (bản phô tô); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản phô tô); Phiếu gửi (bản phô tô).

- *Bị đơn ông Trần Quốc T:* Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo bổ sung người tham gia tố tụng; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thời gian mở phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt vi phạm quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cung cấp, căn cứ Điều 463, 466 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 94, 95 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Ngân hàng X khởi kiện bị đơn ông Trần Quốc T yêu cầu thanh toán tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 23/8/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi tắt là Hợp đồng). Bị đơn ông Trần Quốc T có đăng ký tạm trú và hiện đang cư trú tại tổ 7, ấp Tân Lập, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Toà án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Trần Quốc T đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về chứng cứ: Bị đơn ông Trần Quốc T vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] Ngày 23/8/2022, ông Trần Quốc T và Ngân hàng X có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi tắt là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 82.666.082 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.924.366 đồng. Ngoài ra, ngày 25/09/2022, ông T tiếp tục vay tiêu dùng trên X pay với hạn mức 10.000.000 đồng. Ông T đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 12.240.892 đồng. Trong quá trình sử dụng, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.960.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ vay.

[3.2] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 được ký kết giữa Ngân hàng X – Chi nhánh BC với ông Trần Quốc T thể hiện ý chí tự nguyện thoả thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thoả thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ…phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền vay. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện đúng như cam kết được quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Tính đến thời điểm hiện tại ông T chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.924.366 đồng. Ngoài ra, ngày 25/09/2022, ông T còn tiếp tục vay tiêu dung trên X pay của Ngân hàng X nhưng ông T chỉ mới thanh toán số tiền 6.960.000 đồng. Kể từ ngày 14/11/2023 cho đến nay, ông T không thanh toán các kỳ nợ đến hạn và không được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: “Đối với trường hợp chậm thực

hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật". Ngoài ra, tại thời điểm ký kết hợp đồng hai bên đã thoả thuận rõ các quy định về việc thanh toán nợ và lãi suất, đây là ý chí tự nguyện của các bên nên buộc các bên phải thực hiện. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ cụ thể như sau:

- Buộc ông Trần Quốc T trả ngay cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2024 là 67.558.208 đồng; trong đó: Nợ gốc 51.434.456 đồng, lãi quá hạn 16.123.752 đồng và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh sau ngày 25/3/2024 theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

- Buộc ông Trần Quốc T trả ngay cho Ngân hàng X tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2024 là 5.802.808 đồng; trong đó: Nợ gốc 4.880.000 đồng, lãi quá hạn 922.808 đồng và tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh sau ngày 25/3/2024 theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 (vay trên X pay) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 94, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Thông Tư số 39/2016/TTNH-NN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà Nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X đối với bị đơn ông Trần Quốc T về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1. Buộc ông Trần Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2024 là 67.558.208 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng); trong đó: Nợ gốc 51.434.456 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn 16.123.752 đồng (mười sáu triệu một trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc 51.434.456 đồng (năm mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng), ông Trần Quốc T còn phải trả cho Ngân hàng X tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 giữa Ngân hàng X – Chi nhánh BC với ông Trần Quốc T.

1.2. Buộc ông Trần Quốc T phải thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền tính đến ngày 25/3/2024 là 5.802.808 đồng (năm triệu tám trăm lẻ hai nghìn tám trăm lẻ tám đồng); trong đó: Nợ gốc 4.880.000 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), lãi quá hạn 922.808 đồng (chín trăm hai mươi hai nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 26/3/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc 4.880.000 đồng (bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), ông Trần Quốc T còn phải trả cho Ngân hàng X tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/8/2022 (vay trên X pay) giữa Ngân hàng X – Chi nhánh BC với ông Trần Quốc T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Quốc T phải chịu số tiền 3.668.050 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 575.565 đồng (năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm tram sáu mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0002185 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Oanh